

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

(Ban hành theo Quyết định số 3268 /QĐ-ĐHCT ngày 23 tháng 6 năm 2026

của Giám đốc Đại học Cần Thơ)

1. Thông tin chung về chương trình đào tạo

Ngành: **Nuôi trồng thủy sản** (Aquaculture) Mã ngành: 7620301

Số lượng tín chỉ: 161 tín chỉ Thời gian đào tạo: 4,5 năm Loại văn bằng: Kỹ sư

Hình thức: đào tạo chính quy, đào tạo thường xuyên

Phương thức tổ chức đào tạo: trực tiếp, từ xa, kết hợp giữa trực tiếp và từ xa

Đơn vị quản lý: Khoa Công nghệ Nuôi trồng thủy sản, Trường Thủy sản

2. Mục tiêu đào tạo

2.1 Mục tiêu đào tạo chung

Đào tạo kỹ sư Nuôi trồng thủy sản (NTTS) có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt; có kiến thức khoa học cơ bản và kiến thức chuyên môn về NTTS; có kỹ năng nghiệp vụ và khả năng làm việc độc lập để tổ chức sản xuất và vận hành các cơ sở nhân giống, nuôi trồng, kinh doanh và chế biến thủy sản hoặc nghiên cứu, giảng dạy; có năng lực tự học và học tập nâng cao trình độ ở bậc sau đại học, phục vụ cho phát triển bền vững ngành NTTS trong cả nước và vùng ĐBSCL.

2.2 Mục tiêu đào tạo cụ thể (PEOs)

a. Trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức khoa học tự nhiên, khoa học xã hội - nhân văn, khoa học chính trị, giáo dục quốc phòng-an ninh, ngoại ngữ và công nghệ thông tin làm cơ sở để tiếp thu các kiến thức nghề nghiệp (PEO1).

b. Trang bị cho sinh viên kiến thức về nguyên lý, cơ sở và chuyên ngành NTTS như sinh học, sinh thái, môi trường nuôi thủy sản, quản lý chất lượng sản phẩm và kinh doanh thủy sản (PEO2).

c. Đào tạo cho sinh viên những kỹ năng nghề nghiệp bao gồm kỹ thuật sản xuất giống và nuôi các đối tượng thủy sản chủ lực; sử dụng các trang thiết bị, quản lý và vận hành có hiệu quả cơ sở nhân giống, nuôi trồng, cơ sở sản xuất thức ăn thủy sản (PEO3).

d. Rèn luyện cho sinh viên sức khỏe, kỹ năng giao tiếp và tác phong chuyên nghiệp; năng lực khởi nghiệp và nghiên cứu khoa học (PEO4).

e. Phát triển cho sinh viên ý thức công dân, trách nhiệm nghề nghiệp và học tập suốt đời (PEO5).

3. Chuẩn đầu ra (PLOs)

Hoàn thành chương trình đào tạo ngành Nuôi trồng thủy sản trình độ đại học, người tốt nghiệp có khả năng:

3.1 Kiến thức

3.1.1 Khối kiến thức giáo dục đại cương

a. Vận dụng được các kiến thức cơ bản về khoa học chính trị, khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và pháp luật (PLO1);

b. Vận dụng được các kiến thức cơ bản về giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng và an ninh (PLO2).

3.1.2 Khôĩ kiến thức cơ sở ngành

a. Giải thích được các đặc điểm sinh học cơ bản, sinh thái và môi trường sống của các loài thủy sản nuôi và các nhóm thủy sinh vật liên quan khác (PLO3).

b. Vận dụng được các phương pháp xác định đặc điểm sinh học, nhu cầu dinh dưỡng của động vật thủy sinh, phương pháp phân tích chất lượng nước, phương pháp nghiên cứu và viết báo cáo khoa học trong hoạt động chuyên môn (PLO4).

3.1.3 Khôĩ kiến thức chuyên ngành

a. Trình bày được các qui trình sản xuất giống, cải thiện chất lượng giống, nuôi thương phẩm đặc biệt là nuôi thâm canh, ứng dụng công nghệ cao cho các loài nuôi thủy sản có giá trị kinh tế (PLO5).

b. Phân tích được các nguyên lý về quản lý môi trường và sức khỏe vật nuôi, các yêu cầu về quản lý chất lượng sản phẩm, qui hoạch và quản lý vùng nuôi theo hướng sản xuất hiệu quả, bền vững và thân thiện môi trường (PLO6).

3.2 Kỹ năng

3.2.1 Kỹ năng cứng

a. Triển khai được qui trình sản xuất giống, nuôi thương phẩm các loài thủy sản chủ lực, có giá trị kinh tế cao như cá tra, cá đồng, tôm càng xanh, tôm sú, tôm thẻ chân trắng và cua biển (PLO7).

b. Vận hành được các cơ sở sản xuất giống, trại nuôi thương phẩm và kinh doanh dịch vụ thủy sản (PLO8).

3.2.2 Kỹ năng mềm

Sử dụng được một ngoại ngữ tương đương trình độ Bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng hiệu quả CNTT phục vụ chuyên môn và đáp ứng yêu cầu về năng lực số theo quy định hiện hành; phát triển được kỹ năng giao tiếp, lập kế hoạch và đánh giá kết quả công việc, làm việc độc lập và làm việc nhóm hiệu quả, dẫn dắt, khởi nghiệp và tự tạo việc làm (PLO9).

3.3 Mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân

Thể hiện ý thức học tập suốt đời, trách nhiệm cá nhân và đạo đức nghề nghiệp trong các hoạt động chuyên môn và phục vụ cộng đồng (PLO10).

4. Vị trí việc làm của người tốt nghiệp

- Cán bộ quản lý, kỹ thuật viên, nghiên cứu viên tại các phòng thí nghiệm, trại sản xuất giống và nuôi thủy sản, nhà máy sản xuất thức ăn và chế biến thủy sản tại các công ty, trang trại.

- Cán bộ quản lý phát triển kinh doanh (CEO) các sản phẩm dịch vụ thủy sản và tư vấn kỹ thuật tại các công ty.

- Chuyên viên khuyến ngư, cán bộ quản lý nhà nước các lĩnh vực liên quan đến thủy sản.

- Giảng viên, giáo viên, nghiên cứu viên trong các trường đại học, cao đẳng, trung học, các cơ sở nghiên cứu thủy sản.

- Chuyên viên tư vấn kỹ thuật của các tổ chức chứng nhận, phát triển thủy sản trong nước và quốc tế.

- Chủ trại sản xuất, cơ sở kinh doanh độc lập.

5. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

- Có khả năng tự học tập, nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ vào thực tế sản xuất.
- Có khả năng học tập bậc sau đại học liên quan lĩnh vực thủy sản.

6. Các chương trình đào tạo, tài liệu, chuẩn quốc gia và quốc tế tham khảo

- Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;
- Quyết định số 1309/QĐ-TTg ngày 05 tháng 9 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đưa nội dung quyền con người vào chương trình giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân.
- Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;
- Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;
- Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT ngày 24/01/2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định Khung năng lực số cho người học;
- Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về khung năng lực số cho người học.
- Thông tư số 04/2025/TT-BGDĐT ngày 17 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.

- Khung chương trình đào tạo ngành Nuôi trồng thủy sản của Học Viện Nông nghiệp Việt Nam; Đại học Nha Trang; và Đại học Auburn, Hoa Kỳ:

<https://vnua.edu.vn/dao-tao/chuong-trinh-dao-tao/dao-tao-dai-hoc/cid/4824>

<https://ctdt.ntu.edu.vn/chuongtrinhdt/53>

https://bulletin.auburn.edu/undergraduate/collegeofagriculture/fisheriesandalliedaquaculture/sfish/fisheriesandaquaculture_major/

7. Khung chương trình đào tạo

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	HP tiên quyết	Học phần song hành
Khối kiến thức Giáo dục đại cương									
1	QP010E	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1 (*)	2	2		37	8	Bổ trí theo nhóm ngành	
2	QP011E	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2 (*)	2	2		22	8	Bổ trí theo nhóm ngành	
3	QP012	Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*)	2	2		24	21	Bổ trí theo nhóm ngành	
4	QP013	Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (*)	2	2		4	56	Bổ trí theo nhóm ngành	
5	TC100	Giáo dục thể chất 1+2 (*)	1+1		2		60		
6	TC013	Bơi lội (*)	1	1			30		
7	XH023	Anh văn căn bản 1 (*)	4	AV	10 AV hoặc PV	60			
8	XH024	Anh văn căn bản 2 (*)	3			45			XH023
9	XH025	Anh văn căn bản 3 (*)	3			45			XH024
10	XH031	Anh văn tăng cường 1 (*)	4			60			XH025
11	XH032	Anh văn tăng cường 2 (*)	3			45			XH031
12	XH033	Anh văn tăng cường 3 (*)	3			45			XH032
13	FL001	Pháp văn căn bản 1 (*)	4	PV		60			
14	FL002	Pháp văn căn bản 2 (*)	3			45			FL001
15	FL003	Pháp văn căn bản 3 (*)	3			45			FL002
16	FL007	Pháp văn tăng cường 1 (*)	4			60			FL003
17	FL008	Pháp văn tăng cường 2 (*)	3			45			FL007

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	HP tiên quyết	Học phần song hành
18	FL009	Pháp văn tăng cường 3 (*)	3			45			FL008
19	CT003	Năng lực số ứng dụng (*)	1	1		15			
20	CT004	Thực hành Năng lực số ứng dụng (*)	2	2			60		CT003
21	ML014	Triết học Mác - Lênin	3	3		45			
22	ML016	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2		30		ML014	
23	ML018	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2		30		ML016	
24	ML019	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2		30		ML018	
25	ML021	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		30		ML019	
26	KL010E	Pháp luật đại cương và quyền con người	2	2		30			
27	ML007	Logic học đại cương	2		2	30			
28	XH028	Xã hội học đại cương	2			30			
29	XH011	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2			30			
30	XH012	Tiếng Việt thực hành	2			30			
31	XH014	Văn bản và lưu trữ học đại cương	2			30			
32	KN001E	Kỹ năng mềm	2			20	20		
33	KN002E	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	2			20	20		
34	TN128	Thống kê sinh học	2	2		30			
35	TN129	TT. Thống kê sinh học	1	1			30		TN128
36	TN021	Hóa vô cơ và hữu cơ đại cương	2	2		30			
37	TN022	TT. Hóa vô cơ và hữu cơ đại cương	1	1			30		TN021
38	TN042	Sinh học đại cương	2	2		30			
39	TN043	TT. Sinh học đại cương	1	1			30		TN042
Cộng: 48 TC (Bắt buộc 34 TC; Tự chọn: 14 TC)									
Khối kiến thức cơ sở ngành									
40	TS100	Sinh hóa - TS	3	3		30	30		
41	TS103ET	Ngư nghiệp đại cương	2	2		30			
42	TS240	Kỹ thuật phân tích chất lượng nước	3	3		30	30		TN021, TN022
43	TS153	Hình thái và phân loại tôm, cá	3	3		30	30		
44	TS196	Thực vật thủy sinh	2	2		20	20		
45	TS197	Động vật thủy sinh	2	2		20	20		
46	TS104	Sinh thái thủy sinh vật	2	2		30			
47	TS145	Vĩ sinh thủy sản đại cương A	3	3		30	30		TN042, TN043
48	TS106	Sinh lý động vật thủy sản A	3	3		30	30		
49	TS107	Dinh dưỡng và thức ăn thủy sản A	3	3		30	30		
50	TS111	Phương pháp nghiên cứu sinh học cá	2	2		20	20		
51	TS147	Phương pháp nghiên cứu khoa học - Thủy sản	2	2		20	20		
52	TS199	Mô - Phôi động vật thủy sản	2	2		20	20		
53	TS156	Thực tập giáo trình cơ sở nuôi trồng thủy sản	5	5			150		TS240, TS153, TS196, TS197
54	TS157T	Anh văn chuyên môn thủy sản	2	2		30			
55	TS198	Miền dịch học thủy sản đại cương	2		2	20	20		
56	TS192E	Tập tính động vật thủy sản	2			30			
57	CN004	Khí tượng thủy văn	2			20	20		
Cộng: 41 TC (Bắt buộc 39 TC; Tự chọn: 2 TC)									
Khối kiến thức chuyên ngành									
58	TS301	Kỹ thuật nuôi cá nước ngọt	2	2		30			
59	TS303	Kỹ thuật sản xuất giống cá nước ngọt	2	2		30		TS309T	
60	TS335	Kỹ thuật sản xuất giống và nuôi cá biển	2	2		30		TS309T	
61	TS302	Kỹ thuật sản xuất giống và nuôi giáp xác	3	3		45		TS309T	
62	TS313	Kỹ thuật nuôi động vật thân mềm	2	2		25	10		
63	TS309T	Kỹ thuật nuôi thức ăn tự nhiên	2	2		20	20		
64	TS308	Kinh tế thủy sản	2	2		30			
65	TS320	Công trình và thiết bị thủy sản	2	2		20	20		
66	TS305	Quản lý dịch bệnh thủy sản	3	3		30	30	TS145	
67	TS108	Di truyền và chọn giống thủy sản	2	2		20	20		
68	TS410	Quản lý chất lượng môi trường ao nuôi thủy sản	2	2		30			
69	TS269	Thực tập giáo trình nuôi thủy sản nước ngọt	6	6			180		TS301, TS303

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	HP tiên quyết	Học phần song hành
70	TS270	Thực tập giáo trình kỹ thuật nuôi hải sản	6	6			180		TS335, TS302
71	TS471	Chuyên đề ngoại khóa	1	1		15			
72	TS271	Thực tập thực tế - TS	6	6			180		
73	TS413T	Vệ sinh an toàn thực phẩm thủy sản	2	2		30			
74	TS412E	Vì sinh vật hữu ích	2	2		30			
75	TS315	Thuốc và hóa chất trong thủy sản	2	2		30			
76	TS478	Kỹ thuật nuôi cá cảnh	2		8	30			
77	TS479	Kỹ thuật nuôi thủy đặc sản	2			30			
78	TS480T	Kỹ thuật trồng và sử dụng rong biển	2			30			
79	TS312	Kỹ thuật khai thác thủy sản B	2			30			
80	TS411E	Quy hoạch phát triển thủy sản	2			30			
81	TS175	Đánh giá tác động môi trường thủy sản	2			30			
82	TS432E	Marketing thủy sản	2			30			
83	TS255	Ứng dụng công nghệ sinh học trong thủy sản	2			20	20		
84	TS441	Ứng dụng công nghệ số trong thủy sản	2			20	20		
85	TSQ613	Quản lý chất lượng trong chuỗi sản xuất thủy sản	2		15	30			
86	TS253E	Truy xuất nguồn gốc sản phẩm thủy sản	2			30			
87	TS506	Luận văn tốt nghiệp - NTTS	15				450	≥ 120 TC	
88	TS437	Tiểu luận tốt nghiệp - NTTS	6				180		
89	TS323E	Tổng hợp kiến thức cơ sở - NTTS	3			45			
90	TS324E	Tổng hợp kiến thức kỹ thuật - NTTS	3			45			
91	TS235E	Chuyên đề chẩn đoán bệnh trên cá	2			30			
92	TS236E	Chuyên đề chẩn đoán bệnh trên tôm	2			30			
93	TS292E	Chuyên đề kỹ thuật nuôi thủy sản	2			30			
94	TS293E	Chuyên đề kỹ thuật sản xuất giống thủy sản	2			30			
95	TS250E	Chuyên đề xây dựng và quản lý dự án thủy sản	2			30			
Cộng: 72 TC (Bắt buộc: 49 TC; Tự chọn: 23 TC)									
Tổng cộng: 161 TC (Bắt buộc: 122 TC; Tự chọn: 39 TC)									

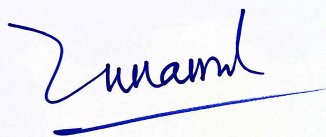
(*): là học phần điều kiện, không tính điểm trung bình chung tích lũy. Sinh viên có thể hoàn thành các học phần trên bằng hình thức nộp chứng chỉ theo quy định của Đại học Cần Thơ hoặc học tích lũy.

ĐẠI HỌC CẦN THƠ
GIÁM ĐỐC

Trần Trung Tính

HỘI ĐỒNG KH&ĐT
CHỦ TỊCH

Trần Ngọc Hải

TRƯỜNG THỦY SẢN
HIỆU TRƯỞNG

Vũ Ngọc Út